

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ  
TỈNH KON TUM  
Số: 165/QĐ- CTHADS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----  
Kon Tum, ngày 02 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách Quý III- năm 2023**  
**của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 28/09/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;*

*Căn cứ quyết định số 142, 143/QĐ-CTHADS, ngày 29/12/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ quyết định số 149/QĐ-CTHADS, ngày 09/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ quyết định số 151/QĐ-CTHADS, ngày 16/8/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ quyết định số 160/QĐ-CTHADS, ngày 20/9/2023 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum, về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023;*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục.*

**QUYẾT ĐỊNH:**



**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước quý III/2023 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng và những người có trách nhiệm liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

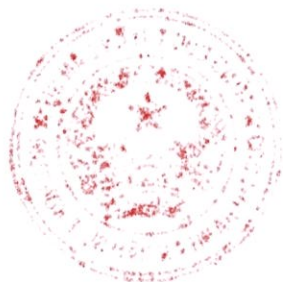
**Nơi nhận:**

- Tổng cục THADS;
- Lưu :VT, PTKTHCSN

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
  
  
**Cao Minh Hoàng Tùng**

1952年10月

1952年10月



Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum  
Chương: 014

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

**Quý III năm 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)  
Căn cứ Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.  
Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quý III năm 2023 như sau

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III	Ước thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>497.785</b>	<b>7.510.930</b>	<b>45</b>	<b>2,102</b>
1	Lệ phí				
2	Phí	497.785	7.510.930	45,266	2,102
	Phí THA giao thu để nộp NSNN	124.446	1.877.732,500	15,089	0,538
	Phí THA để lại đơn vị sử dụng	273.782	4.131.011,500	15,089	0,417
	Phí nộp Tổng cục THA	99.557	1.502.186,000	15,089	1,147
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0,000</b>	<b>102.074,337</b>	<b>0,000</b>	
1	Chi sự nghiệp	0,000	102.074,337	0,000	4,790
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,000	102.074,337	0,000	4,790
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,000	0,000	0,000	
2	Chi quản lý hành chính	0,000	0,000	0,000	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,000	0,000	0,000	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,000	0,000	0,000	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>438,987</b>	<b>1.877.732,500</b>	<b>4.277,422</b>	<b>0,551</b>
1	Lệ phí				
2	Phí	438,987	1.877.732,500	4.277,422	0,551
	Phí THA	438,987	1.877.732,500	4.277,422	0,551
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>99.713,001</b>	<b>1.349,000</b>	<b>282,770</b>	<b>1,212</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>99.713,001</b>	<b>1.349,000</b>	<b>282,770</b>	<b>1,212</b>
1	Chi quản lý hành chính	6.553,001	1.372.944,430	282,770	1,212
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.139,406	1.342.469,430	261,211	1,212
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.413,595	30.475,000	21,559	0,000
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn chi không thường xuyên)	1.413,595	30.475,000	21,559	0,000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn chi không thường xuyên)	1.413,595	30.475,000	0,000	0,000
	KP tiết kiệm để cải cách tiền lương (Nguồn 14)	5.200,000	0,000	0,000	
	-Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn đầu tư)	0,000	0,000	0,000	



	Công trình xây dựng kho Ngọc Hồi	0,000	0,000	0,000	
	Công trình xây dựng: Trụ sở làm việc và kho vật chứng Kon Rẫy	0,000	0,000	0,000	
	Công trình xây dựng: Cum Trụ sở và cụm kho vật chứng Cục + CCTHADS TP Kon Tum	0,000	0,000	0,000	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>93.160,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>	<b>0,000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	93.160,000	0,000	0,000	0,000